

Số: /2020/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/2/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 45/TTr-SXD ngày 18 tháng 5 năm 2020; Báo cáo số 158/BC-STP ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Sở Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý và thực hiện dự án khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang**

1. Điều a khoản 2 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Phê duyệt danh mục dự án cần thực hiện đầu tư và danh mục dự án cần lựa chọn nhà đầu tư;”

2. Điều a khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tổng hợp danh mục dự án cần thực hiện đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;”

3. Khoản 2 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Tổng hợp danh mục dự án cần lựa chọn nhà đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

b) Tổ chức công bố danh mục dự án sau khi đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư dự án; kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời thầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà đầu tư;

d) Thực hiện giám sát đầu tư, giám sát hoạt động đấu thầu;

đ) Hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư khớp nối các công trình hạ tầng đầu mối ngoài hàng rào dự án, các công trình hạ tầng xã hội sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

e) Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.”

4. Điểm b khoản 3 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Hướng dẫn nhà đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện các nghiệp vụ về quản lý, sử dụng tài sản công được chuyển giao. Hướng dẫn cách xác định và thẩm định giá trị  $\Delta G$ ,  $k$  do bên mời thầu khảo sát, tính toán làm cơ sở xác định  $m_3$  trong hồ sơ mời thầu;”

5. Điểm d khoản 4 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Thống kê, công bố chỉ số biến động giá đất làm cơ sở xác định chỉ số (*mức độ biến động*) của giá chuyển nhượng đất. Chủ trì xây dựng phương án giá đất đối với từng dự án cụ thể để trình Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;”

6. Điểm c khoản 5 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Đề xuất danh mục dự án cần thực hiện đầu tư gửi Sở Xây dựng để tổng hợp (đối với các dự án nằm trong ranh giới của quy hoạch chung xây dựng đô thị được duyệt thì phải phù hợp với chương trình phát triển đô thị, hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị của từng đô thị được duyệt);

Sau khi dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư, danh mục dự án cần thu hồi đất, thực hiện đề xuất danh mục dự án cần lựa chọn nhà đầu tư gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;”

7. Điểm c khoản 6 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Trước khi ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư trúng thầu phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định với giá trị bằng 1% tổng mức đầu tư (gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư xây dựng dự án) đối với dự án nhóm A; 2% tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm B; 3% tổng mức đầu tư đối với dự án nhóm C. Thời hạn cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng tối đa 15 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư;”

8. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 6. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án**

1. Định kỳ 6 tháng 1 lần (vào trước ngày 01 tháng 3 và trước ngày 01 tháng 9 hàng năm), Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh mục dự án cần thực hiện đầu tư, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để lập chủ trương đầu tư. Trình tự, thủ tục, nội dung công bố danh mục dự án thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

## 2. Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư:

a) Căn cứ danh mục dự án cần thực hiện đầu tư được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư và các tài liệu liên quan khác (nếu có). Số lượng hồ sơ trình là 05 bộ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

3. Căn cứ chủ trương đầu tư được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp danh mục dự án cần thu hồi đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Những dự án thực hiện trên địa bàn từ hai đơn vị cấp huyện trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tách phần diện tích thuộc thẩm quyền quản lý để trình riêng. Căn cứ danh mục các dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Căn cứ danh mục dự án cần thu hồi đất được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập đề xuất dự án đầu tư có sử dụng đất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong đó điều kiện về năng lực tài chính để đảm bảo việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai. Nội dung đề xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ.”

9. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

### **“Điều 7. Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, ký hợp đồng dự án**

1. Việc chuẩn bị, nộp, đánh giá năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Trường hợp hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu năng lực, kinh nghiệm thì bên mời thầu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 22 Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư.

2. Quy trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Khi lập hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, bên mời thầu xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước ( $m_3$ ). Giá trị này được xác định mang tính tương đối, là căn cứ để nhà đầu tư đề xuất nộp ngân sách nhà nước và độc lập với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà nhà đầu tư phải nộp theo quy định của pháp luật về đất đai và được xác định như sau:

$$m_3 = S \times \Delta G \times k$$

Trong đó:  $\Delta G$ , k xác định căn cứ theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 47 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trong quá trình thẩm định hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển hồ sơ đề nghị Sở Tài chính thẩm định  $\Delta G$ , k do bên mời thầu đề xuất.

3. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, bên mời thầu gửi một bản Hợp đồng dự án về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng để theo dõi, giám sát đồng thời gửi thông báo về giá trị  $M_3$  đến cơ quan thuế cùng cấp. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đợt 1 của dự án, Nhà đầu tư trúng thầu nộp ngân sách nhà nước bằng tiền (giá trị  $M_3$ ) đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất tại cơ quan thuế cùng cấp.”

10. Điểm e khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“e.  $C_i$  là chi phí năm thứ i của dự án. Trong đó tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí khác, chi phí dự phòng (kí hiệu là  $XD+TB+TV+QLDA+CK+DP$ ) năm thứ i của dự án  $= (XD+TB+TV+QLDA+CK+DP)/n$ .”

11. Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp huyện được ủy quyền ký kết hợp đồng dự án với chủ đầu tư; tổ chức giám sát việc thực hiện hợp đồng dự án; chủ trì cùng các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tổ chức giám sát thường xuyên về tiến độ và chất lượng thực hiện dự án; có quyền yêu cầu nhà đầu tư tạm dừng thi công và khắc phục những tồn tại để bảo đảm chất lượng công trình cũng như các yêu cầu trong hợp đồng dự án đã được ký kết.”

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

## **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 6 năm 2020.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; (báo cáo)
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND Tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Giang, các Đoàn thể nhân dân;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, TKCT, TN, ĐT, CN, KT;
- + Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh;
- + Lưu: VT, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lại Thanh Sơn**